

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày 19 tháng 4 năm 2018

“*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Míp Niê, bà Nguyễn Thị Chinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 291/2017/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Lê Thừa L (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị S trình bày chị và anh Lê Thừa L đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 12 năm 2010. Anh chị có hai con chung, còn con riêng, con nuôi, tài sản chung và nợ chung anh chị không có. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh L. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Lê Thừa P, còn giao cháu Lê Thừa T cho anh L nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, anh L trình bày anh và chị S là vợ chồng. Anh chị có hai con chung là cháu Lê Thừa T và Lê Thừa

P. Tài sản chung, nợ chung anh chị không có. Trong quá trình chung sống, anh chị đã có lời qua tiếng lại. Hiện nay, anh chị không sống chung với nhau nên chị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Anh không đồng ý ly hôn vì anh muốn vợ chồng đoàn tụ. Nguyên vọng của anh là nhận nuôi hai con chung, nếu không được thì anh nhận nuôi cháu T còn giao cháu P cho chị S nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 12 năm 2017, cháu Lê Thừa T trình bày là cháu có nguyện vọng ở với bố và không yêu cầu mẹ cháu phải cấp dưỡng.

Tại biên bản xác minh ngày 08 tháng 12 năm 2017, của Công an xã E, huyện K thể hiện anh L và chị S không sống chung với nhau, mỗi người thuê một nhà riêng để ở.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk sau khi phát biểu ý kiến đã khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án; đối với bị đơn mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt hai lần không có lý do. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56; 81 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị S cho chị Nguyễn Thị S ly hôn với anh Lê Thừa L, giao cháu Lê Thừa T cho anh L, giao cháu Lê Thừa P cho chị S nuôi dưỡng tới tuổi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Ngày 22 tháng 12 năm 2010, anh L và chị S kết hôn với nhau. Trong quá trình chung sống, anh chị có 2 con chung. Hiện nay, anh chị không còn sống chung với nhau, vì vậy chị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Chị S làm đơn đúng quy định và có nộp tiền tạm ứng án phí. Anh L có nơi cư trú ở xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk căn cứ vào các Điều 35; 39; khoản 3 Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ, nhưng bị đơn hai lần vắng mặt mà không có lý do, vì vậy Tòa án căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

+ Quan hệ hôn nhân: Vì mâu thuẫn vợ chồng đã có lời qua tiếng lại nên anh L, chị S không còn sống chung và quan tâm chăm sóc lẫn nhau; tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được,

do đó chị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là có cơ sở pháp lý phù hợp với Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cho chị S ly hôn với anh L.

+ Con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị S có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu P, anh L có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T được các bên đương sự đồng ý. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự không trái với pháp luật và đạo đức xã hội vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Vì đây là vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu, thì chị S vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51; 56 ; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình ;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị S ly hôn với anh Lê Thừa L.

+ Về con chung: Giao cháu Lê Thừa T, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2007 cho anh Lê Thừa L; giao cháu Lê Thừa P, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị S nuôi dưỡng tới tuổi trưởng thành.

Anh L và chị S có quyền, nghĩa vụ chăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp anh L và chị S lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, thì anh chị có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của các bên.

2. Về án phí:

+ Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi thành án dân sự huyện K, thị Đắc Lắc theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002682 ngày 26 tháng 10 năm 2017.

3. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

ĐỖ VĂN DŨNG